

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 4 **Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**
TỈNH ĐỒNG THÁP

Bản án số: **73/2026/HS-ST**
Ngày: 28 - 5 -2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Huy Mân
2. Ông Nguyễn Văn Phúc

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Hồng Nhung – Thư ký
Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 28 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 57/2026/TLST-HS ngày 20 tháng 4 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2026/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2026, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Duy T**, sinh ngày 07/11/1993, tại tỉnh Tây Ninh; Số căn cước công dân: 080093007022 cấp ngày 11/5/2021, nơi cấp Cục CSQLHC về TTXH – **Bộ C1**; Hộ khẩu thường trú: **ấp B, xã B, tỉnh Tây Ninh**; Nơi cư trú hiện nay: **ấp B, xã B, tỉnh Tây Ninh**; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông: **Trần Phước T1**, sinh năm 1973 (đã chết) và bà: **Bùi Thị Tuyết N**, sinh năm 1973; Anh, em ruột có 04 người, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 03/01/2026, chuyển tạm giam từ ngày 09/01/2026 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Cai Lậy thuộc Trại tạm giam số 2, **Công an tỉnh Đ**.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị **Đặng Nguyễn Hoàng Kim T2**, sinh năm 1995; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số C N, ấp C, xã T, tỉnh Tây Ninh.

2. Anh **Phạm Cát L**, sinh năm 2003; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số B ấp H, xã V, tỉnh Tây Ninh.

3. Anh **Hồ Ngọc Đ**, sinh năm 1994; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã T, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Duy T khai, do không có tiền tiêu xài, nên nảy sinh ý định vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu để nhận tiền công. Thông qua mối quan hệ quen biết, **T** biết 01 người thanh niên tên **H** (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể), **H** buôn bán thuốc lá điều nhập lậu tại khu vực cửa khẩu B, tỉnh Tây Ninh. **T** và **H** thỏa thuận vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu như sau: Hậu chuẩn bị, cất giấu ở cốp sau của xe ô tô các bao thuốc lá điều nhập lậu, sau đó liên lạc với **T** qua ứng dụng Zalo để **T** đến khu vực cửa khẩu B, nhận và điều khiển xe ô tô chở thuốc lá điều nhập lậu đến thành phố Cần Thơ để giao cho khách. Tiền công mỗi chuyến **H** trả cho **T** là 500.000 đồng, thanh toán 01 lần khi **T** vận chuyển đủ 10 chuyến. Từ ngày 30/12/2025 đến ngày 02/01/2026, **T** đã vận chuyển 03 lần, các bao thuốc lá điều nhập lậu, nhưng không rõ số lượng, nhãn hiệu. Đến khoảng 07 giờ 30 phút ngày 03/01/2026, **H** gọi cho **T** đến khu vực bãi đất trống thuộc xã B, tỉnh Tây Ninh để nhận chở thuốc lá điều nhập lậu. Đến nơi, **T** nhận điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 62A-189.99 (do chị **Đặng Nguyễn Hoàng Kim T2**, sinh ngày 27/8/1995, nơi cư trú: ấp C, xã T, tỉnh Tây Ninh làm chủ sở hữu), phía sau cốp xe có chứa 3000 bao thuốc lá điều nhập lậu chở đến thành phố Cần Thơ. Trên đường đi, **T** có đến nhà của chị **Trần Thị Tiểu C**, sinh ngày 13/12/2002, nơi cư trú: ấp B, xã B, tỉnh Tây Ninh để rước Cầm đi lấy trái cây tại xã C về bán. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, khi **T** điều khiển xe đến đoạn thuộc ấp B, xã B, tỉnh Đồng Tháp thì bị **Phòng C2 Công an tỉnh Đ** chặn dừng kiểm tra, phát hiện bắt giữ cùng tang vật.

* Vật chứng không thu giữ được:

- Tổng số 3.000 bao (Ba nghìn bao) thuốc lá điều nhập lậu, trong đó nhãn hiệu HERO số lượng: 500 bao (mỗi bao chứa 20 điếu), nhãn hiệu 555, số lượng: 500 bao (mỗi bao chứa 20 điếu), nhãn hiệu JET, số lượng: 1.000 bao (mỗi bao chứa 20 điếu), nhãn hiệu MILANO, số lượng: 1.000 bao (mỗi bao chứa 20 điếu), tất cả đều không có dán tem thuốc lá nhập khẩu.

- 01 (một) bao ny long màu xám; 01 (một) bao ny long màu xanh; 02 (hai) thùng giấy màu vàng có in dòng chữ SANG PURE OIL; 02 (hai) thùng giấy màu đen trắng có in dòng chữ MILANO.

- 01 (một) xe ô tô biển kiểm soát 62A-189.99, nhãn hiệu KIA CERATO, màu trắng, số khung: RNYBC41A6LC182253; số máy: G4FRKH746436.

- 01 (Một) Giấy Chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới số 0314264, ô tô nhãn hiệu KIA CERATO; 01 (một) Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 037510, tên chủ xe **Đặng Nguyễn Hoàng Kim T2**, đối với xe ô tô nhãn hiệu KIA CERTO, biển kiểm soát 62A-189.99 (Bản sao); 01 (một) Giấy Biên nhận giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đang thế chấp của **Ngân hàng TMCP V, Chi nhánh G**, người nhận mang tên khách hàng **Đặng Nguyễn Hoàng Kim T2**, đối xe ô tô 62A-189.99 ngày 03/10/2025; 01 (một) Giấy Biên nhận giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đang thế chấp của **ngân hàng TMCP V, Chi nhánh Sở G1**, người nhận mang tên khách hàng **Đặng Nguyễn Hoàng Kim T2**, đối xe ô tô 62A-189.99 ngày 25/4/2025; 01 (một) Giấy Biên nhận giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đang thế chấp của **ngân hàng TMCP V, Chi nhánh Sở G1**, người nhận mang tên khách hàng **Đặng Nguyễn Hoàng Kim T2**, đối xe ô tô 62A-189.99 ngày 09/01/2025.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme, màu xanh, bên trong có 01 sim mạng Vinaphone.

- Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh Đ** đã trao trả cho chủ sở hữu là **chị Đặng Nguyễn Hoàng Kim T2**: 01 (một) xe ô tô biển kiểm soát 62A-189.99, nhãn hiệu KIA CERATO, màu trắng, số khung: RNYBC41A6LC182253; số máy: G4FRKH746436 và các loại giấy tờ kèm theo xe như nêu trên.

* Ngày 07/01/2026, **H1** có Công văn số 02/CVTĐ-2026, xác nhận 3000 bao thuốc lá điều có các nhãn hiệu: Jet (1000 bao); 555 (500 bao); Hero (500 bao) và **M** (1000 bao), là thuốc lá điều nhập lậu.

Bản cáo trạng số 30/CT-VKSKV4 ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp truy tố bị cáo **Trần Duy T** về tội “Vận chuyển hàng cấm” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 191 Bộ Luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo **Trần Duy T** đã thừa nhận hành vi phạm tội “Vận chuyển hàng cấm”. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo **Trần Duy T** về tội “Vận chuyển hàng cấm”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 2 Điều 191, điểm s khoản 1, Điều 51; Điều 38 Bộ Luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Trần Duy T** từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù; Hình phạt bổ sung: không có;

Về vật chứng: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme, màu xanh, bên trong có 01 sim mạng Vinaphone. Các vật chứng còn lại tịch thu tiêu hủy.

Về án phí: Bị cáo **T** phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo **Trần Duy T** đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu, nên không có ý kiến gì đối với nội dung bản cáo trạng và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ **Đặng Nguyễn Hoàng Kim T2**, anh **Phạm Cát L**, anh **Hồ Ngọc Đ** vắng mặt. Xét thấy, trong hồ sơ đã có lời khai của những người này và việc vắng mặt những người này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử đối với bị cáo **T**. Căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự; Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an tỉnh Đ**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo **Trần Duy T** đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình là: Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 03/01/2026, tại Km 1995+900 **Quốc lộ A**, đoạn thuộc **ấp B, xã B, tỉnh Đồng Tháp**, **Trần Duy T** có hành vi điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 62A-189.99 vận chuyển 3.000 bao thuốc lá điều nhập lậu (gồm: 1000 bao thuốc lá điều hiệu Jet, 500 bao thuốc lá điều hiệu Hero, 500 bao thuốc lá điều hiệu 555, 1000 bao thuốc lá điều hiệu Milano) nhằm mục đích vận chuyển thuê với giá 500.000 đồng, thì bị phát hiện, bắt quả tang. Xét lời thừa nhận tội của bị cáo **Trần Duy T** là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với nội dung cáo trạng đã nêu. Như vậy, đã có đủ căn cứ để kết luận bị cáo **Trần Duy T** phạm tội “Vận chuyển hàng cấm” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 191 Bộ Luật Hình sự. Đúng với kết luận luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp giữ quyền công tố tại phiên tòa hôm nay.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, bởi lẽ tình hình vận chuyển, buôn bán hàng cấm hiện nay diễn ra ngày càng phức tạp, tinh vi, đặc biệt là thuốc lá nhập lậu qua cửa khẩu, thuốc lá mang nhãn hiệu JET, HERO, MILANO hiện là hàng hóa thuộc danh mục Nhà nước cấm nhập khẩu vào thị trường trong nước, ai vi phạm cũng sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật. Thế nhưng bị cáo bất chấp pháp luật, biết rõ hàng hóa là hàng cấm mà bị cáo **T** vẫn vận chuyển

thuê để lấy tiền. Hành vi này của bị cáo **T** không những xâm phạm đến chính sách quản lý kinh tế vĩ mô của Nhà nước mà còn ảnh hưởng đến trật tự xã hội tại địa phương. Khi thực hiện tội phạm, bị cáo **T** là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi vận chuyển hàng cấm là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo **T** vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Vì vậy, cần phải xử lý bị cáo **T** mức án thật nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống chung của xã hội một thời gian mới có đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo thành người tốt sống có ích cho xã hội sau này đồng thời ngăn ngừa loại tội phạm này trong tình hình hiện nay.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo **T** thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử có xem xét cho bị cáo khi lượng hình.

[6] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo **T** không có tình tiết tăng nặng.

[7] Về nhân thân: Bị cáo **T** về trình độ học vấn 6/12 nên nhận thức về pháp luật của bị cáo có phần hạn chế. Do vậy, cần xem xét chiếu cố phần nào mức hình phạt đối với bị cáo nhưng cũng phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để nhằm răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt giúp ích cho xã hội sau này.

[8] Đối với người thanh niên tên **H** theo bị cáo **Trần Duy T** khai, có hành vi thuê bị cáo **T** vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu, hiện không xác định được họ, năm sinh và địa chỉ, nên không có căn cứ xác minh làm rõ.

[9] Đối với **Trần Thị Tiểu C** không có thỏa thuận trước và cũng không biết bị cáo **T** vận chuyển hàng cấm trên xe, nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý hình sự.

[10] Đối với **Đặng Nguyễn Hoàng Kim T2**, sinh năm 1995, nơi cư trú: **số C N, ấp C, xã T, tỉnh Tây Ninh**; **Phạm Cát L**, sinh năm 2003, nơi cư trú: **số 208/8 ấp H, xã V, tỉnh Tây Ninh** và **Hồ Ngọc Đ**, sinh năm 1994, ngụ **ấp A, xã T, tỉnh Tây Ninh**: Qua điều tra xác định giữa **T2, L, Đ** có có lập hợp đồng dịch vụ cho thuê xe 62A-189.99 theo quy định và không biết việc bị cáo **T** sử dụng xe ô tô để vận chuyển hàng cấm nên không xem xét xử lý hình sự.

[11] Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy: 3.000 bao (Ba nghìn bao) thuốc lá điều nhập lậu, trong đó nhãn hiệu HERO số lượng: 500 bao (mỗi bao chứa 20 điếu), nhãn hiệu 555, số lượng: 500 bao (mỗi bao chứa 20 điếu), nhãn hiệu JET, số lượng: 1.000 bao (mỗi bao chứa 20 điếu), nhãn hiệu MILANO, số lượng: 1.000 bao (mỗi bao chứa 20 điếu), tất cả đều không có dán tem thuốc lá nhập khẩu; 01 (một) bao ny long màu xám; 01 (một) bao ny long màu xanh; 02 (hai) thùng giấy màu vàng có in dòng chữ SANG PURE OIL; 02 (hai) thùng giấy màu đen trắng có in dòng chữ MILANO.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme, màu xanh, bên trong có 01 sim mạng Vinaphone.

[12] Về án phí: Bị cáo **Trần Duy T** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm;

[13] Xét ý kiến và đề nghị của phía đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận đề nghị của phía đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự:

Tuyên bố bị cáo **Trần Duy T** phạm tội “**Vận chuyển hàng cấm**”.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 191; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ Luật Hình sự năm 2015; Điều 292 Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015.

Xử: Phạt bị cáo **Trần Duy T 02 (hai) năm tù**; thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 03/01/2026.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 3.000 bao (Ba nghìn bao) thuốc lá điều nhập lậu, trong đó nhãn hiệu HERO số lượng: 500 bao (mỗi bao chứa 20 điếu), nhãn hiệu 555, số lượng: 500 bao (mỗi bao chứa 20 điếu), nhãn hiệu JET, số lượng: 1.000 bao (mỗi bao chứa 20 điếu), nhãn hiệu MILANO, số lượng: 1.000 bao (mỗi bao chứa 20 điếu), tất cả đều không có dán tem thuốc lá nhập khẩu; 01 (một) bao ny long màu xám; 01 (một) bao ny long màu xanh; 02 (hai) thùng giấy màu vàng có in dòng chữ SANG PURE OIL; 02 (hai) thùng giấy màu đen trắng có in dòng chữ MILANO.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme, màu xanh, bên trong có 01 sim mạng Vinaphone.

(Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 21/5/2026 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an tỉnh Đ** và Phòng thi hành án dân sự Khu vực 4 – Đồng Tháp)

3. Về án phí:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo **Trần Duy T** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm;

4. Về quyền kháng cáo:

Áp dụng các điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 4 – Đồng Tháp;
- Cơ quan điều tra CA tỉnh Đồng Tháp;
- Th;
- Bị cáo;
- Người bị hại, đại diện hợp pháp bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

Nguyễn Minh Cảnh